TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 12 – 2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Dương Thời Phúc - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 46/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, Thông báo dời phiên tòa số 200/TB- TA ngày 02 tháng 08 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 278/TB-TA ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ông Trần Văn H**; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 16/5 ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh S (Ông H vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: **Bà Trịnh Thị H**; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 345 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S (Bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Ông với bà Trịnh Thị H tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và cũng trong năm 2017, ông bà đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 28 tháng 7 năm

2017. Ông bà chung sống hạnh phúc cho đến tháng 3 năm 2020 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2020, bà H đã về nhà cha mẹ ruột của bà ở số 345 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S sinh sống cho đến nay.

Trong quá trình chung sống, ông H và bà H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông Trần Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị H.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trịnh Thị H không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 46/TB-TLVA ngày 19 tháng 02 năm 2021, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Trịnh Thị H nhưng bà Trịnh Thị H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà Trịnh Thị H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Trịnh Thị H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H ly hôn với bà Trịnh Thị H. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Văn H và bà Trịnh Thị H đều vắng mặt nhưng nguyên đơn ông H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn bà H mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H và bà H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Toà án cho ly hôn với bà Trịnh Thị H. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn H với bà Trịnh Thị H là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai người chung sống hạnh phúc cho đến tháng 03 năm 2020 thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hai người đã không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2020 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc cho nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông Trần Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh Thị H là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông H trình bày ông và bà H không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông H yêu cầu nên ông H phải chịu theo luật định.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H.

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn H được quyền ly hôn với bà Trịnh Thị H.

- Về con chung: Ông Trần Văn H trình bày ông và bà Trịnh Thị H không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn H trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017 0005909 ngày

08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà ông Trần Văn H đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
-Lưu HSVA.